TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **459**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 26 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 451/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 2002; địa chỉ: TDP H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1998; địa chỉ: TDP M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Mộc N, sinh ngày 04/3/2022.

Anh T2 và chị T thoả thuận: Giao cháu Nguyễn Mộc N cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T2 và chị T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải nộp 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí ly hôn, nhưng hai anh chị đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*. Căn cứ biên lai số 0004059 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành Phố Huế. Nay anh chị không phải nộp nữa.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm T thoả thuận: Giao cháu Mộc N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh T2 và chị T xác nhận không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* mà anh T1 và chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004059 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Nay anh chị không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND Thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND p. A, Tp Huế, tỉnh TT Huế, đăng ký kết hôn số: 32/2022, ngày 08/4/2022;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng